

**KHẢO SÁT ĐẶC ĐIỂM THỰC VẬT, MÃ VẠCH DNA  
VÀ SƠ BỘ THÀNH PHẦN HÓA HỌC CỦA CÂY TRÀ DORMOY  
-CAMELLIA DORMOYANA (PIERRE) SEALY, THEACEAE**

*Nguyễn Đỗ Lâm Điền, Dương Nguyễn Xuân Lâm*

*Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh*

*Email liên hệ: xuanlamduong@gmail.com*

*Ngày nhận bài: 02/5/2023*

*Ngày phản biện: 08/9/2023*

*Ngày duyệt đăng: 30/9/2023*

**TÓM TẮT**

**Đặt vấn đề:** Cây Trà dormoy được trồng nhiều nơi ở Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam. Chiết xuất từ lá có tác dụng tăng đáp ứng miễn dịch, hỗ trợ điều trị HIV/AIDS, nhưng có ít nghiên cứu đã được công bố. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát đặc điểm thực vật, mã vạch DNA để góp phần định danh đúng loài Trà dormoy và sơ bộ thành phần hóa học để góp phần định danh đúng loài Trà dormoy. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Cây Trà dormoy tươi được thu thập tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, được phân tích, mô tả, chụp ảnh các đặc điểm hình thái, giải phẫu, bột dược liệu, kèm phân tích trình tự gen matK và khảo sát sơ bộ thành phần hóa học bằng phương pháp Ciuley có cải tiến. **Kết quả:** Loài Trà dormoy được định danh dựa trên hình thái và trình tự gen matK xác định tên khoa học là *Camellia dormoyana* (Pierre) Sealy có đặc điểm hình thái đặc trưng: Nhiều lá dài, cánh hoa và nhị, 6 lá noãn, bầu trên; và sơ bộ thành phần hóa học bao gồm: Tinh dầu, chất béo, steroid, flavonoid, saponin, tannin, carotenoid và coumarin. **Kết luận:** Nghiên cứu góp phần cung cấp dữ liệu định danh chính xác loài Trà dormoy, đặc điểm giải phẫu thân, lá và thành phần hóa học có trong lá.

**Từ khóa:** *Camellia dormoyana*, gen matK, hình thái, giải phẫu, thành phần hóa học.

**ABSTRACT**

**SURVEY OF BOTANICAL CHARACTERISTICS, DNA BARCODE  
AND PRELIMINARY PHYTOCHEMICAL SCREENING OF  
CAMELLIA DORMOYANA (PIERRE) SEALY, THEACEAE**

*Nguyen Do Lam Dien, Duong Nguyen Xuan Lam\**

*University of Medicine and Pharmacy at Ho Chi Minh city*

**Background:** Dormoy tea trees are grown in many places in Central and Southern Vietnam. Leaf extracts have the effect of increasing the immune response, supporting the treatment of HIV/AIDS, but there have not many scientific reports. **Objectives:** Survey of botanical characteristics, DNA barcodes to correcting identification of Dormoy tea and preliminary phytochemical screening. **Materials and method:** Dormoy tea fresh plants collected in Binh Chanh-Ho Chi Minh City were analyzed, taken photos, described the morphological and anatomical characteristics, traditional powder, analyzed gene matK sequence, and preliminary phytochemical screening was conducted by improved Ciuley method. **Results:** Dormoy tea was identified as *Camellia dormoyana* (Pierre) Sealy, based on morphological characteristics and gene matK sequence with the following featured morphological characteristics: Numerous sepal, petal and stamen, 4 carpels, hypogynous; traditional powder (characteristic is sclereid) and phytochemical constituents include: Essential oils, fats, sterols, flavonoids, saponins, tannins, carotenoids and courmarine. **Conclusion:** The study confirms the scientific name of Dormoy tea in Vietnam as

*Camellia dormoyana* (Pierre) Sealy, *Theaceae* together with the anatomical characteristics of stems, leaves and the chemical composition of the leaves.

**Keywords:** *Camellia dormoyana*, gene *matK*, morphology, anatomy, phytochemical constituents.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Cây Trà dormoy-*Camellia dormoyana* (Pierre) Sealy, thuộc họ Trà (Theaceae) phân bố ở Trung Bộ và Nam Bộ Việt Nam bao gồm: Thanh Hóa (Hồi Xuân), Nghệ An, Quảng Trị, Lâm Đồng vào Tây Ninh, Đồng Nai (Biên Hòa) và Kiên Giang (Phú Quốc) [1]. Ngoài ra trong khu vực Đông Nam Á, loài này còn được tìm thấy ở bờ sông Mê-Kông (Lào) [1]. Trên thế giới có ít nghiên cứu về thực vật học và thành phần hóa học, công dụng của loài này, chỉ có vài tài liệu có giới thiệu chung về các loài trà hoa vàng [2], [3]. Ở Việt Nam, tác giả Trịnh Hồng Thúy, Phạm Thanh Kỳ (2019) đã nghiên cứu đặc điểm vi học và thành phần hóa học của lá Trà dormoy [4]. Tuy nhiên, ở Việt Nam cho đến nay cây Trà dormoy vẫn chưa được ghi nhận trong tài liệu “Từ điển cây thuốc Việt Nam” của tác giả Võ Văn Chi (một tác giả có uy tín trong lĩnh vực về phân loại thực vật). Đặc điểm hình thái và mã vạch DNA là cơ sở để nhận diện loài Trà dormoy và đặc điểm giải phẫu để kiểm nghiệm dược liệu này bằng phương pháp vi học. Vì vậy mục tiêu nghiên cứu của bài báo là khảo sát đặc điểm thực vật, mã vạch DNA để góp phần định danh đúng loài Trà dormoy và sơ bộ thành phần hóa học.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng nghiên cứu

Mẫu cây tươi của cây Trà dormoy-*Camellia dormoyana* có đầy đủ thân, lá, hoa, được thu hái ở tại huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 2 năm 2022. Mẫu được làm tiêu bản thực vật khô để làm mẫu lưu giữ.

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

- Đặc điểm hình thái: Sử dụng kính lúp cầm tay, kính hiển vi quang học, kính hiển vi soi nổi, để quan sát và mô tả đặc điểm hình thái của các bộ phận thân, lá, cụm hoa. Xác định tên khoa học của loài này dựa vào các tài liệu [1], [2], [5], [6], [7].

- Cấu tạo vi học: Thân, phiến lá, cuống lá được cắt ngang thành lát mỏng bằng dao lam. Đối với thân: Cắt ngang phần lông của những cành đường kính 5-6 mm. Đối với phiến lá: Cắt ngang đoạn 1/3 đáy phiến, gồm gân giữa và một ít hai bên phiến lá chính thức. Đối với cuống lá: Cắt ngang đoạn 1/3 phía đáy cuống nhưng không sát đáy và cũng không cắt ở phần phù to. Vi phẫu được tẩy trắng bằng nước javel và nhuộm bằng son phèn và lục iod. Quan sát vi phẫu trong nước bằng kính hiển vi quang học, chụp ảnh và mô tả cấu trúc. Mỗi bộ phận quan sát từ 5-10 lát cắt. Thực hiện bột lá (trường thành) bằng cách cắt nhỏ dược liệu; sấy ở nhiệt độ 60-70 °C đến khô; nghiền nhỏ; rây qua rây 32 (đường kính lỗ rây 0,1 mm) và quan sát các cấu tử bột dưới kính hiển vi quang học trong nước cất [8].

- Đặc điểm mã vạch DNA: Dựa theo tài liệu Zu và cộng sự (2011) có bổ sung cho phù hợp với điều kiện thử nghiệm nhiệt độ 25 °C [9]. Mẫu DNA được chiết theo quy trình chiết DNA “Genomic DNA Purification Kit” của Thermo Fisher Scientific. Mẫu DNA được kiểm tra nồng độ bằng cách đo quang ở 260 nm và điện di trên gel agarose 1%. Một phần đoạn DNA mã hóa cho *matK* được khuếch đại bằng iTag với nhiệt độ gắn mỗi là 55°C. Sản phẩm sau khi PCR được kiểm tra sự hiện diện của băng DNA có kích thước khoảng 850 bp.

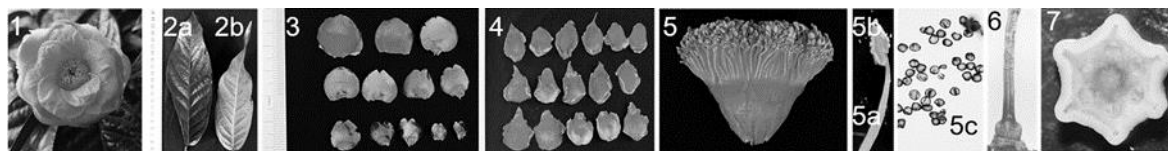
Đoạn có kích thước 850 bp được gửi giải trình tự ở công ty Genlab (Hà Nội). Trình tự DNA được lắp ráp bằng phần mềm Segman của Lasergene. Trình tự đoạn *matK* được phân tích và so sánh bằng công cụ Blast với ngân hàng gen NCBI để định danh. Với những mẫu có kết quả định danh với các loài khá tương đồng sẽ được giống hàng để tìm loài có mức độ tương đồng cao nhất.

- Sơ bộ thành phần hóa học: Thực hiện các phản ứng định tính để xác định sơ bộ sự hiện diện của các nhóm hợp chất có trong mẫu dược liệu ở các phân đoạn có độ phân cực tăng dần (ethyl acetat, cồn 96°, nước) bằng phương pháp Ciuley có cải tiến.

### III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 3.1. Đặc điểm hình thái

Thân gỗ nhờ sống lâu năm, mọc thẳng đứng, cao 8-10 m, tiết diện tròn, màu xám trắng, nhẵn. Lá đơn, mọc cách, không có lá kèm. Phiến lá dày, dai, thuôn dài, gốc lá tròn hoặc hình tim, đầu lá nhọn, dài 20-21 cm, rộng 5-8 cm, mặt trên màu xanh lục đậm, nhẵn bóng có các khe lõm sâu do gân lá tạo thành, mặt dưới màu xanh lục nhạt, mép phiến lá có răng cưa cạn. Gân lá hình lông chim. Cuống lá hình lòng máng cạn, màu xanh lục, nhẵn, dài 0,4-0,6 cm. Hoa riêng lẻ, mọc ở đầu cành. Hoa gần đều, lưỡng tính, màu vàng, đường kính hoa nở 5-5,5 cm. Lá bắc có đặc điểm giống lá bình thường. Lá đài 11-13, rời, hình bầu dục rộng gần tròn, màu vàng, mặt ngoài có lông, mặt trong nhẵn, xếp thành 2 vòng: vòng ngoài mép lá đài dài 0,5-0,7 cm, rộng 0,5-0,7 cm, mép hơi xẻ; vòng trong lá đài màu vàng đậm, dài 1,7-2 cm, rộng 1,5-1,7 cm, mép nguyên. Đế hoa màu vàng, lõm hình chén, cao 1-1,2 cm. Cánh hoa 14-16, rời nhau, màu vàng tươi, phiến hình trứng ngược, dài 2,5-2,8 cm, rộng 1,5-1,7 cm, mép cánh hoa có rìa mỏng màu trắng hơi nhẵn. Nhị nhiều, không đều, xếp thành nhiều vòng trên đế hoa, vòng ngoài các nhị dính nhau ở phía gốc chỉ nhị khoảng 1/2, các nhị vòng trong dính nhau ở phía gốc chỉ nhị khoảng 3-4 mm; chỉ nhị dạng sợi, màu vàng, dài 2,8-3 cm; bao phấn màu vàng, hình tam giác hơi thuôn dài, 2 ô, hướng trong, nút dọc, đỉnh giữa, rộng 0,8-1 mm, dài 2 mm; hạt phấn rất nhiều, rời, hình gần tròn, màu vàng, có rãnh, đường kính 40 µm. Lá noãn 6, dính tạo bầu trên với 6 ô, mỗi ô có nhiều noãn, kiểu dính noãn trung trụ; bầu noãn có 6 thùy hơi rõ, màu vàng, cao 3-4 mm, nhẵn; vòi nhụy 1, hình sợi màu vàng, dài 1,8-2 cm, nhẵn, dính ở đỉnh bầu; đầu nhụy dạng điểm, màu vàng (Hình 1).



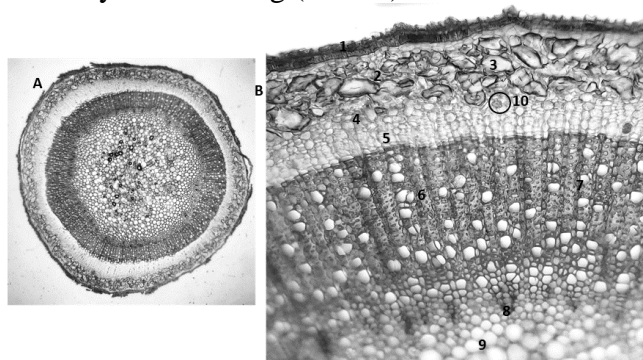
Hình 1. Đặc điểm hình thái cây Trà dormoy-*Camellia dormoyana*

1. Hoa trên cành; 2. Lá (a. mặt trên, b. mặt dưới); 3. Lá đài; 4. Cánh hoa;
5. Nhị (a. chỉ nhị, b. bao phấn, c. hạt phấn); 6. Nhụy; 7. Bầu noãn cắt ngang

#### 3.2. Cấu tạo vi học

Giải phẫu thân cây: Vi phẫu cắt ngang hình gần tròn. Bần 2-4 lớp tế bào hình chữ nhật, vách tẩm suberin và hơi uốn lượn, xếp dày xuyên tâm. Nhu bì khoảng 2 lớp tế bào hình chữ nhật, vách cellulose hơi uốn lượn. Mô mềm vỏ 5-6 lớp tế bào hình bầu dục hay hình đa giác, xếp chừa các đạo. Thể cứng là tế bào hình đa giác gần tròn, vách tẩm gỗ rất dày, kích thước lớn. Libe 1 tế bào hình đa giác, thường xếp thành cụm. Libe 2 gồm 3-4 lớp tế bào hình đa giác hay hình chữ nhật, xếp thành các dây xuyên tâm. Vùng gỗ 2 dày gấp 3-4 lần vùng libe 2; mạch

gỗ 2 tế bào hình đa giác; mô mềm gỗ 2 tế bào hình đa giác, vách tâm gỗ dày, xếp thành các dãy xuyên tâm. Tia tủy (tia libe và tia gỗ) hẹp, có 1-2 dãy tế bào hình đa giác thuôn dài. Gỗ 1 gồm: mạch gỗ 1 hình đa giác, mỗi bó có 3-5 mạch, phân hóa ly tâm; mô mềm gỗ 1 tế bào hình đa giác, vách tâm gỗ. Mô mềm tủy đạo hóa mô cứng, tế bào hình đa giác gần tròn, vách tâm gỗ. Tinh thể calci oxalat hình cầu gai nằm rải rác trong vùng libe 1 và libe 2. Hạt tinh bột có khá nhiều trong vùng mô mềm tủy hóa mô cứng (Hình 2).

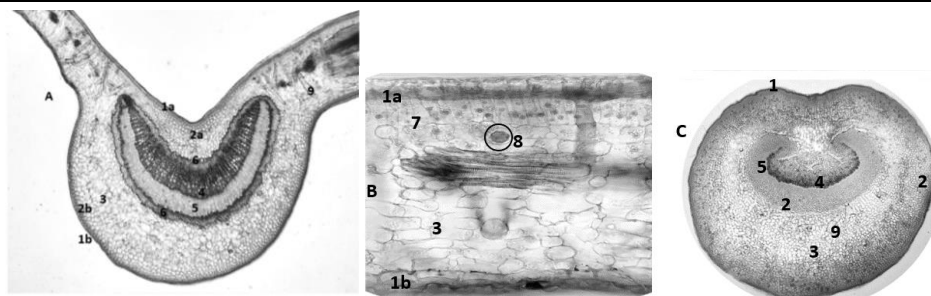


Hình 2. Cấu tạo giải phẫu thân cây Trà dormoy-*Camellia dormoyana*  
A. Vi phẫu thân; B. Một phần vi phẫu thân; 1. Bần; 2. Mô mềm vỏ; 3. Mô cứng; 4. Libe 1; 5. Libe 2; 6. Gỗ 2; 7. Tia tủy; 8. Gỗ 1; 9. Mô mềm tủy; 10. Calci oxalat

#### Calci oxalat

Giải phẫu lá cây: Vùng gân lá dày gấp 2-2,5 lần vùng phiến lá. *Vùng gân lá*: Mặt trên lõm rõ, mặt dưới lồi nhiều. Biểu bì trên và biểu bì dưới gồm 1 lớp tế bào hình chữ nhật; lớp cutin phẳng và mỏng. Mô dày góc trên 4-6 lớp và mô dày góc dưới 2-5 lớp, tế bào hình đa giác gần tròn. Mô mềm xốp nhiều lớp tế bào hình đa giác gần tròn. Hệ thống dẫn chính có hình vòng cung lớn với vùng gỗ ở trên và vùng libe ở dưới. Mạch gỗ 1 hình đa giác, xếp thành dãy 3-6 mạch, kích thước to dần từ trên xuống dưới. Mô mềm gỗ 1 tế bào hình đa giác, vách tâm gỗ, xếp thành 1-2 dãy xen kẽ với các dãy mạch gỗ. Libe 1 liên tục, gồm nhiều lớp tế bào hình đa giác. Mô cứng 2-4 lớp tế bào hình đa giác, xếp thành một vòng gần liên tục bao quanh hệ thống dẫn. Thể cứng nhiều hình dạng, rải rác trong mô mềm. Tinh thể calci oxalat hình cầu gai rải rác trong vùng mô mềm xốp và vùng libe (Hình 3A). *Vùng phiến lá*: Biểu bì trên và biểu bì dưới giống vùng gân giữa; lỗ khí thường tập trung ở biểu bì dưới. Mô mềm giậu 1 lớp tế bào hình chữ nhật thuôn dài. Vùng mô mềm xốp dày gấp 4-5 lần vùng mô mềm giậu. Mô mềm xốp 6-7 lớp tế bào hình chữ nhật hoặc đa giác gần tròn. Tinh thể calci oxalat hình cầu gai có khá nhiều trong thịt lá (Hình 3B).

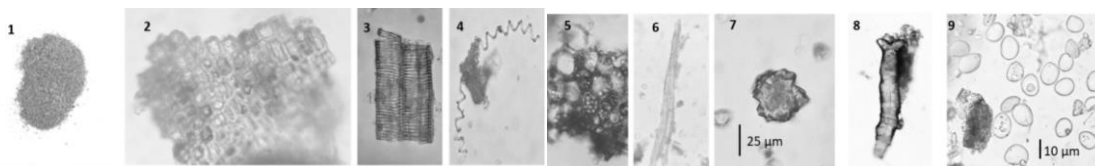
Giải phẫu cuống lá: Vi phẫu cắt ngang hình gần tròn, mặt trên hơi lõm. Biểu bì 1 lớp, tế bào hình đa giác. Mô dày góc 5-7 lớp tế bào hình đa giác. Mô mềm xốp tế bào hình đa giác. Hệ thống dẫn hình cung với gỗ 1 ở trên và libe ở dưới. Mạch gỗ 1 hình đa giác xếp thành dãy 7-9 mạch; mô mềm gỗ 1 tế bào hình đa giác, vách tâm gỗ, xếp thành 1-2 dãy và xen kẽ các dãy mạch gỗ. Libe 1 gồm nhiều lớp tế bào hình đa giác. Mô dày góc 4-6 lớp tế bào đa giác, phía dưới libe 1. Thể cứng rải rác ở mô dày và mô mềm xốp. Calci oxalat hình cầu gai và hình khối có trong mô mềm xốp (Hình 3C).



Hình 3. Cấu tạo giải phẫu lá và cuống lá cây Trà dormoy-*Camellia dormoyana*

A. Vi phẫu lá; B. Vùng phiến lá; C. Vi phẫu cuống lá; 1. Biểu bì (a. trên, b. dưới);  
2. Mô dày (a. trên, b. dưới); 3. Mô mềm khuyết; 4. Gỗ; 5. Libe; 6. Mô cứng; 7. Mô giậu;  
8. Calci oxalat; 9. Thê cứng

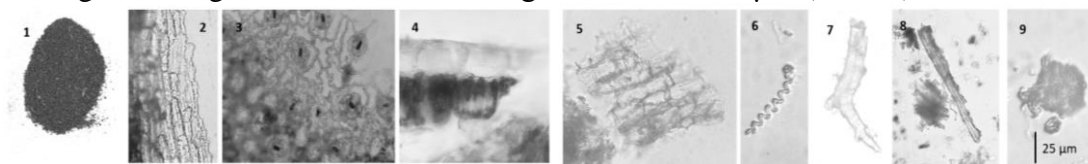
Bột thân: Màu vàng nâu, không mùi, vị hơi chát. Gồm các cấu tử: Mảnh bản. Mảnh mạch điểm. Mảnh mạch xoắn. Mảnh mô mềm chứa nhiều tinh bột. Sợi cứng. Calci oxalat hình cầu gai. Thê cứng. Hạt tinh bột hình trứng, tế là chấm nhỏ, đường kính 10  $\mu\text{m}$  (Hình 4).



Hình 4. Đặc điểm bột thân cây Trà dormoy-*Camellia dormoyana*

1. Bột thân; 2. Mảnh bản; 3. Mảnh mạch vạch; 4. Mảnh mạch xoắn; 5. Mảnh mô mềm có tinh bột; 6. Sợi; 7. Calci oxalat; 8. Thê cứng; 9. Tinh bột

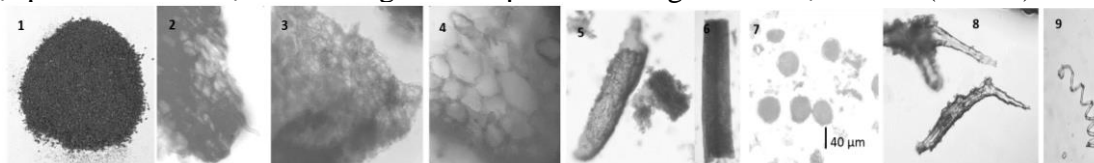
Bột lá: Màu xanh, mùi thơm, vị hơi chát. Gồm các cấu tử: Mảnh biểu bì trên. Mảnh biểu bì dưới có lỗ khí kiểu dị bào. Mảnh mô mềm giậu. Mảnh mô mềm. Mảnh mạch xoắn. Thê cứng. Sợi cứng. Calci oxalat hình cầu gai kích thước 25  $\mu\text{m}$  (Hình 5).



Hình 5. Đặc điểm bột lá cây Trà dormoy-*Camellia dormoyana*

1. Bột lá; 2. Mảnh biểu bì trên; 3. Mảnh biểu bì dưới có lỗ khí; 4. Mảnh mô mềm giậu; 5. Mảnh mô mềm; 6. Mảnh mạch xoắn; 7. Thê cứng; 8. Sợi; 9. Calci oxalat

Bột hoa: Màu cam, mùi thơm nhẹ, không vị. Gồm các cấu tử: Mảnh biểu bì lá đài có lông che chở đơn bào. Mảnh biểu bì cánh hoa. Mảnh mô mềm. Mảnh bao phấn. Mảnh chỉ nhị. Hạt phấn hình bầu dục với đường kính 40  $\mu\text{m}$ . Thê cứng. Mảnh mạch xoắn (Hình 6).



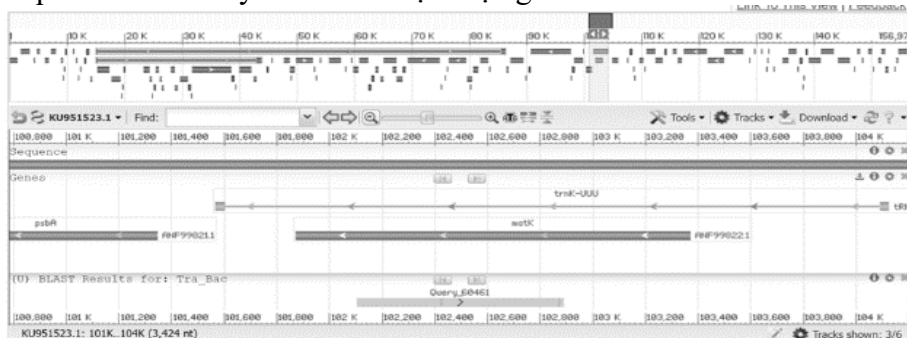
Hình 6. Đặc điểm bột hoa cây Trà dormoy-*Camellia dormoyana*

1. Bột hoa; 2. Mảnh biểu bì lá đài có lông che chở; 3. Mảnh biểu bì cánh hoa; 4. Mảnh mô mềm; 5. Mảnh bao phấn; 6. Mảnh chỉ nhị; 7. Hạt phấn; 8. Thê cứng; 9. Mảnh mạch xoắn

### 3.3. Đặc điểm mã vạch DNA

Trình tự gen *matK* của mẫu Trà dormoy

Kết quả PCR cho thấy đã khuếch đại được gen *matK* với kích thước khoảng 850 bp.



Hình 7. Đồ họa vị trí đoạn *matK* của Trà dormoy so với *Camellia dormoyana*

Bảng 1. Kết quả so sánh trình tự của mẫu Trà dormoy trên NCBI Blast

Mô tả	Tên khoa học	Điểm cao nhất	Tổng điểm	Mức độ che phủ	Phần trăm tương đồng	Chiều dài đoạn gen trong ngân hàng	Số truy cập
<i>C. mingii</i> voucher S. X. Yang 5610 plastid	<i>Camellia mingii</i>	1430	1430	100	99,74	156806	NC046699.1
<i>C. mingii</i> plastid	<i>Camellia mingii</i>	1430	1430	100	99,74	156806	MK473913.1
<i>C. japonica</i> isolate D1 <i>matK</i> gen	<i>Camellia japonica</i>	1430	1430	100	99,74	867	MN103859.1
<i>C. japonica</i> isolate C1 <i>matK</i> gen	<i>Camellia japonica</i>	1430	1430	100	99,74	867	MN103857.1
<i>C. japonica</i> isolate A1 <i>matK</i> gen	<i>Camellia japonica</i>	1430	1430	100	99,74	867	MN103855.1

Nhận xét: Kết quả so sánh trình tự gen của mẫu Trà dormoy trên ngân hàng gen gần giống với *C. mingii*, *C. japonica*.

Bảng 2. Kết quả định danh mẫu Trà dormoy sau khi so sánh trình tự trên NCBI Blast

Mẫu thử	Kết quả định danh	Mức độ tương đồng (%)
Trà dormoy	Tương đồng cao nhất với <i>C. mingii</i> , <i>C. japonica</i>	99,74

Nhận xét: Mã vạch DNA của mẫu Trà dormoy chưa có trong ngân hàng gen, như vậy bài báo đã đóng góp một phần mã vạch DNA có thể dùng để nhận biết loài Trà dormoy này.

### 3.4. Sơ bộ thành phần hóa học

Lá Trà dormoy được sấy khô, rồi xay thô, sau đó được chiết với các dung môi có độ phân cực tăng dần. Tiến hành định tính các hợp chất bằng các phản ứng hoá học.

Bảng 3. Sơ bộ thành phần hóa học trong lá Trà dormoy-*Camellia dormoyana*

Hoạt chất	Phản ứng định tính	Kết quả	Nhóm chất	Phản ứng định tính	Kết quả
Tinh dầu	Cắn có mùi thơm	+	Carotenoid	với H <sub>2</sub> SO <sub>4</sub> đặc	+
Chất béo	Vết mờ trên giấy	+	Anthranoid	Borntrager	-
Steroid	L-B	+	Coumarin	Huỳnh quang	+
Flavonoid	Cyanidin	+	Acid hữu cơ	với tinh thể Na <sub>2</sub> CO <sub>3</sub>	-
Saponin	Bọt bền với nước	+	Polysacharid	với cồn 95%	-
Tannin	dd gelatin 1%	+	Alkaloid	Thuốc thử chung	-

Nhận xét: Sơ bộ thành phần hóa học của Trà dormoy gồm tinh dầu, chất béo, steroid, flavonoid, saponin, tannin, carotenoid và coumarin.

#### IV. BÀN LUẬN

Nhóm tác giả đã khảo sát đặc điểm hình thái và thấy rằng đặc điểm hình thái của loài Trà dormoy giống với đặc điểm của loài *Camellia dormoyana* đã được nêu trong tài liệu [1], [2], [10]. Dữ liệu mã vạch DNA của Trà dormoy chưa có trong ngân hàng gen, vì vậy bài báo cũng đã cung cấp thêm dữ liệu về gen *matK* của mẫu Trà dormoy. Qua khảo sát, gen *matK* của mẫu Trà dormoy đã được phân tích và so sánh với dữ liệu trên ngân hàng gen cho mức độ tương đồng 99,74% so với *C. mingii*; vì vậy để định danh một loài ta nên kết hợp cả đặc điểm hình thái và mã vạch DNA để có kết luận chính xác. Các đặc điểm cấu tạo giải phẫu của thân, lá và cuống lá được mô tả chi tiết cùng với vi phẫu, cấu tử trong bột dược liệu giúp tạo cơ sở xây dựng kiểm nghiệm cho cây thuốc này trong tương lai cũng như hỗ trợ cho các nghiên cứu tiếp theo về loài Trà dormoy. Khảo sát sơ bộ thành phần hóa học được thực hiện theo phương pháp Ciuley có cải tiến và đạt được kết quả cũng phù hợp với các tài liệu của Trịnh Hồng Thúy, Phạm Thanh Kỳ (2019) [4].

#### V. KẾT LUẬN

Các đặc điểm hình thái thân, lá, hoa và mã vạch DNA giúp định danh cây Trà dormoy thu hái tại Bình Chánh-Thành phố Hồ Chí Minh là loài *Camellia dormoyana* (Pierre) Sealy, Theaceae. Đặc điểm giải phẫu và bột dược liệu góp phần kiểm nghiệm dược liệu bằng phương pháp vi học. Sơ bộ thành phần hóa học bao gồm tinh dầu, chất béo, steroid, flavonoid, saponin, tannin, carotenoid và coumarin.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Hoàng Hộ. Cây cỏ Việt Nam. NXB Trẻ. 2000. 425. Tập 1.
2. Tran Duc Manh, Nguyen Toan Thang, Hoang Thanh Son, Dang Van Thuyet, Phung Dinh Trung et al. Golden Camellias: A review. *Archives of Current Research International*. 2019. 16(2), 1-8, doi: 10.9734/ACRI/2019/v16i230085.
3. Dongwei Z., John A. N. P. and Trevor R. H.. Typification of names in the genus *Camellia* (Theaceae). *Phytotaxa*. 2017. 292 (2), 171-179, doi: 10.11646/phytotaxa.292.2.4.
4. Trịnh Hồng Thúy và Phạm Thanh Kỳ. Nghiên cứu đặc điểm vi học và thành phần hóa học lá cây trà hoa dormoy (*Camellia dormoyana* (Pierre) Sealy). *Tạp Chí Dược Học*. 2019. 59(9), 71-74, doi: 10.13057/biodiv/d231141.
5. Võ Văn Chí. Từ điển cây cỏ Việt Nam. NXB Y Học. 2012. 883-884. Tập 2.
6. Nguyễn Thị Hiền. Thực vật chí Việt Nam (Flora of Viet Nam). NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ. 2017. 167. Tập 19.
7. The Plant List. *Camellia dormoyana*. 2023. <http://www.theplantlist.org/tpl1.1/record/kew-2694540>.

8. Rajanna L. and Ramakrishnan M.. Anatomical studies on twelve clones of Camellia species with reference to their taxonomic significance. *International Journal of Engineering Science and Technology*. 2010. 2(10), 5344-5349, doi: 10.12980/APJTB.4.2014APJTB-2014-0416
9. Yu J. J. and Shi L. Zh.. New universal matK primers for DNA barcoding angiosperms. *Journal of Systematics and Evolution*. 2011. 49(3), 176-181, doi: 10.1111/j.1759-6831.2011.00134.x
10. Doan Thanh Luan, Tran Van Chen, Danh Duc Nguyen, Quang Cuong Truong, Khuong Huu Thang et al. Morphological, physicochemical, and phytochemical characterization of Camelliadormoyana (Pierre) Sealy from Vietnam. *Biodiversitas*. 2022. 23(11), 5869-5883, doi: 10.13057/biodiv/d231141.

## NGHIÊN CỨU MỨC ĐỘ ẢNH HƯỞNG VỀ VẬN ĐỘNG, CHỨC NĂNG SINH HOẠT CỦA BỆNH NHÂN DI CHỨNG TẠI BIẾN MẠCH MÁU NÃO VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN TẠI THÀNH PHỐ VĨNH LONG NĂM 2022-2023

Nguyễn Quang Khiêm\*, Nguyễn Phương Toại

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

\*Email: quangkhiemvl@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/4/2023

Ngày phản biện: 13/9/2023

Ngày duyệt đăng: 30/9/2023

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Tai biến mạch máu não là căn bệnh có thể gây tử vong hoặc để lại nhiều di chứng nặng nề, khó phục hồi cho người bệnh.. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định tỷ lệ, mức độ suy giảm vận động và chức năng sinh hoạt theo Barthel và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân di chứng tai biến mạch máu não tại thành phố Vĩnh Long, năm 2022-2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 344 người bệnh tai biến mạch máu não đang được quản lý trên địa bàn thành phố Vĩnh Long năm 2022-2023. **Kết quả:** Tỷ lệ suy giảm khả năng vận động là 71,5%. Một số yếu tố liên quan đến suy giảm khả năng vận động: tuổi cao, nghề nghiệp, nguyên nhân gây tai biến mạch máu não, mức độ liệt, bên liệt, rối loạn các cảm giác đi kèm, rối loạn cơ tròn ( $p < 0,05$ ). **Kết luận:** Tỷ lệ suy giảm khả năng vận động ở bệnh nhân tai biến mạch máu não rất cao, cần đẩy mạnh Phục hồi chức năng cho những bệnh nhân này.

**Từ khóa:** Tai biến mạch máu não, Phục hồi chức năng, suy giảm chức năng.

### ABSTRACT

## RESEARCH ON LEVEL OF INFLUENCE ON MOTOR AND LIVING FUNCTION OF CEREBROVASCULAR ACCIDENT PATIENTS AND RELATED FACTORS IN VINH LONG CITY IN 2022-2023

Nguyen Quang Khiem\*, Nguyen phuong Toai

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

**Background:** Stroke is a disease that can cause death or leave many severe sequelae, difficult to recover for patients. **Objectives:** Determining the rate and degree of impairment in movement and daily life according to Barthel and some related factors in patients with sequelae of